

Bản án số:152/2017/HSST
Ngày 28/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG –TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Năm

Ông Tạ Xuân Xế

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Đặng Đình Học - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 129/2017/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/HSST-QĐXX ngày 15/9/2017 đối với bị cáo:

Lương Đình H - Sinh năm:1988. Nơi cư trú: thôn Việt Cường, xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12 Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Con ông: Lương Văn C – sinh năm 1959, và bà: Nguyễn Thị Th (đã chết); vợ, con: chưa có. Tiền sự: không. Tiền án: Ngày 10/6/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 42 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 25/5/2016, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án.

Nhân thân: Ngày 20/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, Ngày 10/6/2010 bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

- *Người bị hại:* Anh Lý Văn C, sinh năm 1990, Địa chỉ: thôn Nà Háng, xã Châu Sơn, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vũ Văn S – sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn Nà Háng, xã Châu Sơn, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Minh H1– sinh năm 1994, Địa chỉ: Thôn Văn Tự, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 12/6/2017, anh Vũ Văn S nhờ anh Lý Văn C đến công V3 công trường Công ty SamSung – Khu công nghiệp Yên Phong để lấy tiền cho Sơn (trước đó anh S có cho một người bạn tên là Hùng vay tiền). Khi đi anh S đưa chiếc xe mô tô Honda, loại xe Wave RSX màu trắng – đen, biển kiểm soát 12Z1-042.82 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J2 màu trắng cho anh C để anh C sử dụng đi lại và liên lạc lấy tiền hộ anh S. Anh C điều khiển xe mô tô trên đến công trường Công ty SamSung đứng đợi Hùng thì gặp Lương Đình H (anh Công mới quen biết H 02 tuần, chỉ biết tên H và quê ở Thái Nguyên) đi bộ một mình. H nhờ anh C chở H đi vào nhà một người phụ nữ tên Ph ở thôn Đông Xuyên, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh để H mượn tiền. Anh C đồng ý. Khi đi đến đoạn bên phà Đông Xuyên thuộc thôn Đông Thái, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. H bảo anh C đứng đợi ở đây. H mượn xe mô tô và chiếc điện thoại di động SamSung Galaxy J2, màu trắng của anh C để đi một mình vào nhà chị Ph lấy tiền. Anh C đồng ý. Lúc này do thiếu tiền nên H đã nảy sinh ý định mang chiếc xe và chiếc điện thoại này đi cầm lấy tiền tiêu. H điều khiển xe đi thẳng qua cầu Đông Xuyên đi về phía huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau đó H gọi điện cho Nguyễn Quang H2, ở thôn Văn Tự, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để H đến nhà H2 chơi. Lúc này H2 và Nguyễn Minh H1 ở cùng thôn với H2 đang trên đường đi chơi từ Yên Phong – Bắc Ninh về Hiệp Hòa – Bắc Giang. H2 và H1 đứng đợi ở cầu Mai Đình – Đông Xuyên để chờ H đến. H điều khiển chiếc xe mô tô của anh Công đi đến đó gặp H2 và H1. Cả ba cùng nhau đi về Hiệp Hòa, Bắc Giang chơi và ngủ tại Nhà nghỉ Hoa Gạo ở thôn Trung Đồng, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đến sáng ngày 13/6/2017 H nhờ H1 và H2 đem chiếc xe mô tô mà H mượn của anh C đi cầm lấy tiền. H nói với H1 và H2 đây là chiếc xe của vợ H, giấy tờ xe vợ H cầm, H thiếu tiền nên mang đi cầm. H1 tin tưởng H và đồng ý mang xe đi cầm hộ H. H1, H2 cùng H đi đến nhà ông Nguyễn Văn Kh ở cùng thôn với H1 và H2 để cầm xe. Tại đây H1 đi vào gặp ông Kh, do không có giấy tờ xe nên ông Kh không đồng ý cầm chiếc xe này. Thấy vậy H1 hỏi vay của ông Kh số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*). Do là người quen biết nên ông Kh đồng ý cho H1 vay số tiền trên. Ông Kh đưa cho H1 4.700.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) còn giữ lại 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền lãi. H1 viết giấy vay tiền rồi cầm 4.700.000 đồng (*bốn triệu bảy mươi nghìn đồng*) ông Kh đưa rồi H1 đưa lại toàn bộ số tiền trên cho H. H1 gửi lại chiếc xe mô tô Honda Wave RSX trên ở nhà ông Kh. H cầm tiền H1 đưa rồi cầm chiếc điện thoại di động SamSung Galaxy J2 mà H lấy của anh C đi về Thái Nguyên và tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Vài ngày sau, H1 đã mang chiếc xe Wave anpha BKS: 98D1 – 425.73 đăng ký mang tên Nguyễn Văn V là bố đẻ của H1 (đây là chiếc xe gia đình H1 mua cho H1 sử dụng để làm phương tiện đi lại) đến nhà ông Kh để gửi lại nhà ông Kh làm tin về số tiền H1 đã

vay. Ngày 26/6/2017, sau khi được thông báo về nguồn gốc chiếc xe Wave RSX BKS: 12Z1 – 042.82 là do H vi phạm pháp luật mà có, H1 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho Công an huyện Yên Phong. Sau đó H1 đã trả lại ông Kh số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) và lấy chiếc xe Wave anpha của H1 về sử dụng.

Ngày 27/6/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Phong đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 63 định giá: một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đen – trắng, biển kiểm soát số 12Z1-042.82, số khung 3827GY027118, số máy JA38E0087111 và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J2 màu trắng mà H đã chiếm đoạt của anh C ngày 12/6/2017.

Ngày 29/6/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Yên Phong đã kết luận: chiếc xe mô tô nêu trên có giá trị còn lại tại thời điểm định giá là 23.000.000 đồng (*hai mươi ba triệu đồng*), chiếc điện thoại di động nêu trên có giá trị còn lại tại thời điểm định giá là 650.000 đồng (*sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản trưng cầu định giá có giá trị còn lại tại thời điểm định giá là 23.650.000 đồng (*hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lương Đình H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai nhận bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại do anh C đưa cho bị cáo mượn là sau khi anh C giao xe mô tô và điện thoại cho bị cáo vì bản thân bị cáo có ý định mượn xe mô tô và điện thoại của anh C để vào nhà chị Ph vay tiền nhưng sau khi điều khiển xe mô tô của C đến gần nhà chị Ph thì bị cáo thấy trời đã tối và hỏi thăm nhà chị Ph không được nên bị cáo mới nảy sinh mang xe của C đem đi cầm lấy tiền tiêu sài do đó bị cáo mới gọi điện cho H2, khi bị cáo nhờ H1 và H2 mang đi cầm xe hộ thì bị cáo nói xe của vợ bị cáo và cầm vài ngày sẽ lấy ra. Bị cáo có được H1 nói cho biết cầm 5000.000đ nhưng phải cắt lãi 300.000đ, còn lại 4.700.000đ H1 đưa cho bị cáo và bị cáo đã dùng số tiền này ăn tiêu hết, hiện bị cáo vẫn chưa trả H1 số tiền trên, còn về chiếc điện thoại Samsung J2 bị cáo lấy của anh C bị cáo đã giao nộp khi bị bắt. Bị cáo cho biết quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khai báo hành vi phạm tội của mình, bị cáo không bị ép buộc, bức cung, mớm cung trong quá trình khai báo.

Bản cáo trạng số 126/CTr – VKS ngày 11/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Lương Đình H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định Lương Đình H đã có hành vi Lạm dụng sự tín nhiệm của anh C để mượn anh C một chiếc xe mô tô và một chiếc điện thoại di động có tổng trị giá 23.650.000 đồng sau đó đem đi cầm lấy tiền tiêu nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Đình H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đồng thời đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1

Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Lương Đình H từ 14 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Buộc bị cáo Lương Đình H phải hoàn trả anh Nguyễn Minh H1 số tiền 5000.000đ (Năm triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự. Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Sau khi nghe kết luận, đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Lương Đình H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về lời khai nhận của bị cáo: Xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thấy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lương Đình H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, không những gây mất trật tự trị an địa phương mà còn gây tác động xấu đến các mối quan hệ trong xã hội do vậy xét thấy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xem xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy chỉ vì muốn có tiền để nhằm phục vụ cho nhu cầu ích kỷ của bản thân mà bị cáo đã lợi dụng lòng tin, sự tín nhiệm của anh C để mang chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại di động mà anh C đã đồng ý cho bị cáo mượn đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài điều đó chứng tỏ bị cáo là tên rất coi thường pháp luật. Không những vậy xem xét về nhân thân của bị cáo nhận thấy bản thân bị cáo đã hai lần bị các cấp Tòa án đưa ra xét xử, cụ thể ngày 20/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bản án này bị cáo đã chấp hành xong vào ngày 10/6/2010 nên không bị

coi là tiền án. Tuy nhiên vào ngày 10/6/2013 bị cáo lại bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 42 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/5/2016 do vậy tính đến nay thì bản án trên vẫn chưa được xóa án tích do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, vì vậy đối với bị cáo xét thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo thành khẩn do vậy cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

*Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, anh Lý Văn C và anh Vũ Văn S vắng mặt song trong quá trình điều tra anh S, anh C xác nhận Cơ quan điều tra đã trao trả anh S chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại di động mà bị cáo H đã chiếm đoạt của anh C vì vậy các anh không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về yêu cầu của anh Nguyễn Minh H1, tại phiên tòa anh H1 vắng mặt song quá trình điều tra anh có yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả cho anh số tiền 5000.000đ anh đã trả ông Kh, xét thấy khi anh H1 mang chiếc xe H mượn của anh C đi cầm cố thì anh H1 không biết là xe do H mượn của người khác nên đã đồng ý đi cầm cố và đưa cho H 4.700.000đ, sau khi biết chiếc xe mô tô do H nhờ cầm cố hộ là xe do H phạm tội mà có thì anh đã tự nguyện mang nộp cơ quan Công an đồng thời mang số tiền 5000.000đ trả cho ông Kh vì vậy nay cần buộc bị cáo phải hoàn trả anh Nguyễn Minh H1 số tiền 5000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Công an đã trao trả cho chủ sở hữu chiếc xe mô tô Honda Wave RSX, biển kiểm soát 12Z1-042.82 và chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J2 cho anh Vũ Văn S là phù hợp vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo song tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với người phụ nữ tên Ph, quá trình điều tra H khai nhận là người H mới quen biết, H không biết cụ thể họ tên và địa chỉ của Ph. Quá trình điều tra đã xác định người đang sử dụng số điện thoại 01682696151 là chị Cao Thị Ph, sinh năm 1971, ở thôn Đông Thái, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Chị Ph khai nhận không quen biết ai tên là Lương Đình H nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở để tiếp tục xác minh làm rõ.

Đối với Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Quang H2 do tin tưởng Lương Đình H nên đứng ra vay tiền cho H và sử dụng chiếc xe Wave RSX BKS: 12Z1-042.82 nhưng không biết đó là xe do H phạm tội mà có nên cơ quan điều tra gọi hỏi nhắc nhở, không đề nghị xử lý là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Văn Kh cho H1 vay tiền và nhận xe mô tô của H1 gửi lại để làm tin về số tiền H1 đã vay, nhưng không có giấy tờ ủy quyền hợp lệ của ông Nguyễn Văn V là chủ sở hữu của chiếc xe cho H1. Ngày 22/8/2017 Công an huyện Yên Phong đã ra Quyết định số 111B/QĐ-XP/HC xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn Kh về hành vi “Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố”, hình thức phạt: phạt tiền, mức phạt: 3.500.000 đồng là phù hợp.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Lương Đình H phạm tội “Lạm dụng chiếm đoạt tài sản,,.
Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Lương Đình H 15 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ (10/7/2017).

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo Lương Đình H 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017 để đảm bảo việc thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Buộc bị cáo Lương Đình H phải hoàn trả cho anh Nguyễn Minh H1 5000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Lương Đình H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen, số Imei: 899639020273327 và 869639020311523 song tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/NQ-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Lương Đình H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- T.H.A huyện
- Những người tham gia TT.
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
Hoàng Tuấn Anh
(Đã ký)